

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái số 154/BC-HĐTĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 836/VKS-VP ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 224/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (sau đây gọi là Dự án) của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái (sau đây gọi

là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Bộ TN và MT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo)
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG TRỤ SỞ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số: **909** /QĐ-UBND ngày **02** tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Chủ dự án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 1.620,1 m². Diện tích đất trồng lúa (LUK) là 1.533,8 m², diện tích đất bằng hàng năm (BHK) là 86,3 m².

- Quy mô: Diện tích xây dựng trụ sở là 1.269,1 m², đất làm đường lên trụ sở và kè suối Sáng Nhù là 351 m², phục vụ làm việc cho số lượng người tối đa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Cang Chải là 18 cán bộ.

- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

| TT | Hạng mục | Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°) | | Chú thích |
|----|----------|--|-----------|-----------------|
| | | X | Y | |
| 1 | M1 | 2416006.41 | 433389.39 | Xây dựng trụ sở |
| 2 | M2 | 2416014.51 | 433396.66 | |
| 3 | M3 | 2416019.05 | 433401.55 | |
| 4 | M4 | 2416021.61 | 433405.29 | |
| 5 | M5 | 2416024.11 | 433410.27 | |
| 6 | M6 | 2416022.18 | 433411.43 | |
| 7 | M7 | 2416020.62 | 433412.88 | |
| 8 | M8 | 2416017.43 | 433413.53 | |
| 9 | M9 | 2416013.75 | 433416.49 | |
| 10 | M10 | 2416010.24 | 433419.02 | |
| 11 | M11 | 2416005.38 | 433420.77 | |

| TT | Hạng mục | Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°) | | Chú thích |
|----|----------|--|-----------|-------------------------|
| | | X | Y | |
| 12 | M12 | 2416001.94 | 433422.52 | |
| 13 | M13 | 2415997.24 | 433427.04 | |
| 14 | M14 | 2415994.34 | 433429.77 | |
| 15 | M15 | 2415991.23 | 433433.54 | |
| 16 | M16 | 2415990.42 | 433436.66 | |
| 17 | M17 | 2415989.60 | 433438.46 | |
| 18 | M18 | 2415988.65 | 433440.28 | |
| 19 | M19 | 2415989.26 | 433444.24 | |
| 20 | M20 | 2415985.39 | 433445.35 | |
| 21 | M21 | 2415983.78 | 433442.99 | |
| 22 | M22 | 2415981.60 | 433438.25 | |
| 23 | M23 | 2415980.47 | 433434.00 | |
| 24 | M24 | 2415978.19 | 433428.66 | |
| 25 | M25 | 2415974.56 | 433422.35 | |
| 26 | M26 | 2415971.70 | 433416.29 | |
| 27 | M27 | 2415939.07 | 433384.14 | Làm đường và kê suối |
| 28 | M28 | 2415943.66 | 433380.34 | |
| 29 | M29 | 2415975.17 | 433413.61 | |

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

Nhà làm việc có 04 tầng và 01 tầng áp mái, diện tích xây dựng 1.214 m² thiết kế hình chữ L; cốt nền nhà (± 0.000) cao hơn cốt sân tại vị trí xây dựng 0,75 m, chiều cao nhà từ cốt $\pm 0,00$ đến đỉnh mái là +17,5 m; chiều cao tầng 1 là 3,9 m, tầng 2, tầng 3, tầng 4 là 3,6 m, tầng áp cao 2,8 m. Bố trí mái vát đứng xung quanh tầng áp mái để tạo kiến trúc, phía trong lợp tôn. Kết cấu: kết cấu móng bê tông cốt thép; Kết cấu chân nhà khung bê tông cốt thép chịu lực, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối. Các kết cấu bê tông cốt thép toàn nhà sử dụng bê tông M200, cốt thép nhóm CB240-T và CB300-V.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà bảo vệ: Bậc chịu lửa bậc III; diện tích sử dụng 21 m², diện tích xây dựng 15 m²; số tầng cao: 01 tầng.

- Gara xe ô tô, bể nước và trạm bơm: Diện tích sàn là 56 m², nhà 01 tầng, nền bê tông; bậc chịu lửa bậc III; số tầng cao 01 tầng.

- Gara xe 2 bánh: Bậc chịu lửa bậc III; diện tích sàn 42 m², diện tích xây dựng 42 m²; số tầng cao 01 tầng.

- Cổng, hàng rào: Gồm 01 cổng chính hướng ra đường quốc lộ rộng 6 m; hàng rào gạch xây đặc, tổng chiều dài 72,12 m; hàng rào sắt 62,87 m.

- Tuyến đường lên trụ sở và kè chắn suối: Xây dựng tuyến đường nội bộ là bê tông, có diện tích khoảng 272 m², đường lên sẽ nối từ cổng đến đường quốc lộ 32 rộng 6 m; kè chắn đất: Tuyến kè có tổng chiều dài khoảng 77,9 m, gồm kè tuyến số 2 và 3; tuyến kè số 2 bê tông M200 cao 4,3 m, dài 32,5 m; tuyến kè số 3 dạng kè ốp mái 1:1 dài 45,4 m, móng bê tông M200 kết hợp với giằng chân bê tông cốt thép M200, ốp mái bằng xây đá hộc. Dọc các tuyến kè có bố trí cống thoát nước nhựa PVC D42 khoảng cách 2,5 m/cái.

- Sân đường, bồn hoa: Diện tích sân bê tông là 241 m², diện tích sân lát đá xanh Thanh Hóa là 190 m².

- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước cấp sạch lấy từ mạng cấp nước bên ngoài trên đường khu cấp vào bể chứa nước, nước chung bằng đường ống PPR D50.

- Hệ thống cấp điện: Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ nguồn điện hiện có của khu vực - tủ điện tổng (đặt tại nhà bảo vệ) - các công trình và hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án thực hiện chuyển đổi 1.533,8 m² đất trồng lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.
- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển đất đá thải và nguyên vật liệu.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải và tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 1,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng 1,0 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh 69,38 m³/s. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ làm việc tại trụ sở và tổ chức, cá nhân đến làm việc 2,4 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề của dự án với lưu lượng phát sinh khoảng 208,15,38 m³/s. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), bùn, đất đá...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động phát quang thảm thực vật; hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đào đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂,...

b) Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông của cán bộ và tổ chức, cá nhân đến công tác tại trụ sở... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂, bụi,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Tổng lượng sinh khối phát sinh khoảng 0,319 tấn/giai đoạn.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh 12,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng 25,46 tấn/giai đoạn.

- Đất đá thải từ quá trình san gạt, đào đắp: 4.678,22 m³/giai đoạn tương đương 6.783,39 tấn/giai đoạn.

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ tại trụ sở và tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác với tổng khối lượng 15,4 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và sinh hoạt của công nhân tại công trường với tổng khối lượng phát sinh 0,19 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, gang tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ốc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày, sửa chữa thiết bị của trụ sở làm việc với tổng khối lượng phát sinh 28 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu,.....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng và hoạt động của phương tiện vận chuyển.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, hoạt động sinh hoạt tại trụ sở.

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển đổi 1.533,8 m² đất trồng lúa. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở ta luy trong quá trình đánh đất san tạo mặt bằng của dự án.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (muru bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ.

- Sạt lở suối Sáng Nhù phía Nam của dự án...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án thuê nhà dân ở gần khu vực dự án, nước thải sinh hoạt sử dụng công trình chung với chủ hộ.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào trần thoát nước chạy bao quanh khu vực của Dự án (kích thước $0,4\text{ m} \times 0,4\text{ m}$), trên tuyến rãnh bố trí 02 hố ga để lắng bùn đất (kích thước $0,6\text{ m} \times 0,6\text{ m} \times 0,1\text{ m}$). Nước mưa sau thu gom, lắng cần được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

- Nước thải thi công xây dựng: Bố trí rãnh tạm đào trần để thu gom nước thải thi công (kích thước $0,4\text{ m} \times 0,4\text{ m}$), 01 hố ga lắng sơ bộ (kích thước $0,6\text{ m} \times 0,6\text{ m} \times 0,1\text{ m}$) trước khi xả ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng bể tự hoại 03 ngăn dung tích 10 m^3 (kích thước $4\text{ m} \times 2\text{ m} \times 1,25\text{ m}$), bể tự hoại được xây ngầm ở phía Tây khối nhà làm việc, nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn ra ngoài bằng đường ống UPVC D200 bên ngoài nhà, với chiều dài 94 m, độ dốc $i = 0,25\%$. Trên hệ thống bố trí khoảng 05 hố ga thu và ga thăm với kích thước mỗi hố ga $0,7\text{ m} \times 0,7\text{ m}$, khoảng cách mỗi hố ga từ 20 m - 45 m. Sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của khu vực về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của thị trấn Mù Cang Chải.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của công trình (các nhà) lấy từ sàn mái, sân ô mái và các ban công đi vào các ống thoát nước đứng bằng nhựa PVC D90 (08 ống) có rọ chắn rác sau đó thoát xuống rãnh thoát nước mưa làm hồ với kích thước $R \times S = 0,3 \times 0,4\text{ mm}$, chiều dài rãnh thoát nước mưa khoảng 40 m, độ dốc $i = 0,35\%$. Sau đó nước mưa sẽ chảy vào suối Sáng Nhù phía Nam dự án bằng đường ống UPVC D300 Class 3, chiều dài 5 m với độ dốc $i = 0,35\%$ (sân, khuôn viên cây xanh...). Trên hệ thống thoát nước bố trí 02 hố ga thu và ga thăm, khoảng cách các hố ga 29 m. Nước chảy ở khu vực đường lên trụ sở sẽ tự chảy tràn trên bề mặt đường xuống hệ thống thoát nước trên đường QL32.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi dự án (*tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường*); các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (*vào thời điểm thời tiết hanh khô*); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến

đường vận chuyển đổ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hằng ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trồng cây xanh trên dọc tuyến đường lên khu vực dự án và trong khu vực dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 02 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 100 lít. Chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu; phần chất thải không thể tái chế thì chuyển ra khu tập kết rác thải tập trung của xã để đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn thị trấn thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ được thu gom tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng sử dụng bạt phủ sau đó tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng.

+ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Đất đá thải từ hoạt động đào đắp, san tạo mặt bằng: Đổ ra bãi thải chung của thị trấn Mù Cang Chải, vị trí đổ thải ở xã Mò Dề, bãi thải theo quy hoạch có diện tích khoảng 3 ha. Thị trấn Mù Cang Chải đã cho các đơn vị khác đổ thải với diện tích khoảng 1,2 ha. Diện tích còn là 1,8 ha được giao cho Hợp Tác xã thương mại và dịch vụ Nam Phong và ông Trần Hữu Hùng quản lý. Toàn bộ lượng đất đá thải phát sinh của dự án là 4.678,22 m³ đổ vào khu vực đất do ông Trần Hữu Hùng quản lý với diện tích 1.500 m², dung tích chứa đất đá của bãi thải khoảng 40.000 m³.

Có biện pháp đảm bảo an toàn bãi thải, thực hiện đổ thải đúng theo thiết kế bãi thải, đúng khối lượng thiết kế, không làm cản trở thoát nước.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ dự án bố trí 04 thùng đựng rác thải dọc hành lang và hai bên tiền sảnh đi vào, loại đứng bằng inox, dung tích 5÷15 lít và trang bị 02 thùng 100 lít có nắp đậy để lưu chứa, hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tập trung và thuê đội vệ sinh môi trường thuộc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Mù Cang Chải để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong khu lưu giữ tạm thời CTNH 05 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Chủ dự án thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Kiểm soát thời gian và các hoạt động xây dựng cơ bản trên công trường; sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung; bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn trong trường hợp không cần thiết; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: Lập nội quy ra/vào khu vực; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng 1.533,8 m² đất trồng lúa. Chủ dự án phải nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (*đoạn ra vào dự án*).

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất: Chủ dự án xây dựng tuyến kè hết phần phía Nam của dự án đến chân đường đi lên trụ sở, tổng chiều dài 77,9 m, trong đó tuyến kè khu vực trụ sở có chiều dài khoảng 32,5 m, kè được kè bằng bê tông M200, cao 4,3 m. Kè chạy dọc đường đi lên trụ sở của dự án được kè móng bê tông M200 kết hợp với giằng chân bê tông cốt thép M200, ốp mái bằng xây đá hộc. Dọc các tuyến kè có bố trí ống thoát nước nhựa PVC D42 khoảng cách 2,5 m/cái.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai vận hành: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; trang bị hệ thống chống sét cho các tòa nhà của dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (02 vị trí): Khu dân cư phía Đông Bắc và phía Tây Nam dự án.
- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng tổng số, CO, SO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước thải sau hố lắng sơ bộ khu vực bãi tập kết nguyên liệu của dự án.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.
- Tần suất: Hằng ngày.
- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại

5.1.4. Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sụt lún, sạt lở.
- Tần suất: Thường xuyên.

5.2. Giai đoạn hoạt động

Dự án đi vào hoạt động không thuộc đối tượng phải tiến hành giám sát, quan trắc môi trường về nước thải, khí thải theo Điều 111 và Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường và theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Việc giám sát do chủ đầu tư tự quyết định để báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng phải thường xuyên tổ chức theo dõi, giám sát và thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sụt lở, sụt lún đất đá tại tuyến đường, bãi thải; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra các hiện tượng sụt lở, sụt lún đất đá phải dừng ngay các hoạt động và khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện các biện pháp để không làm ảnh hưởng đến nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong khu vực trong quá trình thi công xây dựng. Trường hợp nguồn cấp nước sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong khu vực bị ảnh hưởng thì phải hỗ trợ hoặc bồi thường theo quy định.

- Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

- Thực hiện nộp tiền nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án phải thực hiện đăng ký môi trường gửi đến Ủy ban nhân dân thị trấn huyện Mù Cang Chải để đăng ký trước khi vận hành chính thức./.